

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẠO ĐIỀU KIỆN

Nguyễn Bằng Thắng*, Hoàng Văn Hoa**

Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2020 đã xác định mục tiêu xây dựng hải quan Việt Nam hiện đại, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Một trong những nội dung quan trọng của Chiến lược này là áp dụng và hoàn thiện thủ tục hải quan Việt Nam theo chuẩn mực hải quan hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Từ năm 2005, thủ tục hải quan điện tử đã bắt đầu được áp dụng thí điểm và từng bước được mở rộng triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước. Bài viết này phân tích khái quát quá trình áp dụng thủ tục hải quan điện tử ở nước ta; kết quả đã đạt được và nêu lên một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam trong những năm tới.

Từ khóa: Hải quan, thủ tục hải quan, thủ tục hải quan điện tử.

1. Tổng quan về thủ tục hải quan điện tử

1.1. Thủ tục hải quan

Luật Hải quan (2001) đã định nghĩa thủ tục hải quan (TTHQ) như sau: Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo qui định của luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, TTHQ còn có tên là thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan.

TTHQ là một hệ thống động, được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo từng giai đoạn của quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trong thời kỳ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, ngoại thương thuộc độc quyền nhà nước, xuất nhập khẩu chủ yếu được thực hiện theo kế hoạch giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa nên TTHQ khá đơn giản.

Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, độc quyền ngoại thương của Nhà nước từng bước được xóa bỏ, hội nhập kinh tế ngày càng sâu sắc và toàn diện. Ngành Hải quan cũng từng bước được đổi mới và hội nhập theo chuẩn mực hải quan hiện đại. Ngày 1/7/1993, Hải quan Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và hoạt động theo Luật Hải quan năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan năm 2005. Thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính trong cả nước (theo Nghị quyết 25/NQ-CP và 68/NQ-CP của Chính phủ), đến tháng 12/2012, ngành Hải quan đã đơn

giản hóa được 111/178 TTHQ.

Đến nay, Tổng cục Hải quan đã công bố danh sách TTHQ trong 37 nhóm thủ tục, trong đó: 18 nhóm chỉ có 1 thủ tục, 6 nhóm có 2 thủ tục, 4 nhóm có 3 thủ tục, nhóm lớn nhất có 15 thủ tục (nhóm phương tiện vận tải xuất nhập cảnh), nhóm lớn thứ hai có 13 thủ tục (nhóm hàng gia công), nhóm sản xuất xuất khẩu có 5 thủ tục.

Trong việc thực hiện thủ tục hải quan, có thủ tục do người khai hải quan thực hiện, có việc do công chức hải quan thực hiện.

1.2. Thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức truyền thống

Cho đến năm 2005, TTHQ Việt Nam được thực hiện hoàn toàn theo phương thức truyền thống, còn được gọi là phương thức thủ công vì trong đó các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan đều được thực hiện bằng thủ công. Phương thức truyền thống này có đặc điểm nổi bật là:

- Người khai hải quan phải xuất trình cho công chức hải quan các loại tài liệu có liên quan (quyết định, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ...) ở dạng văn bản giấy. Điều này làm cho cả hai bên đều mất rất nhiều công sức, thời gian, chi phí... cho việc sưu tập, lưu cất, khai báo, kiểm tra các văn bản giấy theo yêu cầu của TTHQ.

- Người khai hải quan và công chức hải quan phải

Bảng 1: Các công việc thuộc thủ tục hải quan thông quan hàng hóa

TT	Công việc do người khai hải quan thực hiện	TT	Công việc do công chức hải quan thực hiện
1	Tìm hiểu thủ tục hải quan	1	Công bố thủ tục hải quan
2	Lập hồ sơ hải quan	2	Hướng dẫn lập hồ sơ hải quan
3	Nộp, gửi hồ sơ hải quan	3	Tiếp nhận hồ sơ hải quan
		4	Kiểm tra hồ sơ hải quan
4	Sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho tới khi đúng quy định và yêu cầu của cơ quan hải quan	5	Kiểm tra hồ sơ sau khi được sửa đổi, bổ sung
5	Xuất trình hàng hóa để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan	6	Kiểm tra thực tế hàng hóa
6	Thực hiện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm của cơ quan hải quan (nếu có)	7	Xử phạt vi phạm (nếu có)
7	Bổ sung, sửa đổi nội dung khác biệt giữa hồ sơ khai báo- thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan	8	Quyết định thu thuế, lệ phí hải quan
8	Nộp thuế, phí theo quyết định của hải quan	9	Thu thuế, phí hải quan
9	Nhận hồ sơ đã được quyết định thông quan từ cơ quan hải quan	10	Quyết định cho thông quan hàng hóa
10	Thực hiện thông quan hàng hóa	11	Hoàn thành thủ tục thông quan hàng hóa

Nguồn: Tổng cục Hải quan, năm 2012

gặp nhau trực tiếp tại địa điểm qui định. Quy định này luôn gây bức xúc cho người khai, nhất là đối với những người ở xa địa điểm qui định và phải đi lại nhiều lần để xử lý, hoàn thiện Tờ khai hải quan. Một số cuộc điều tra khảo sát về phương thức hải quan truyền thống cho thấy thời gian bình quân để hoàn thành TTHQ cho một lô hàng là từ 240 đến 480 phút.

Về phía cơ quan hải quan, điều này cũng gây ra nhiều vấn đề bức xúc gay gắt do phải tăng nhân sự, bộ máy, chi phí để hướng dẫn, kiểm tra, xử lý trong quá trình từ tiếp nhận hồ sơ cho đến khi kết thúc từng thủ tục hải quan cho khách hàng.

- Việc tiếp xúc trực tiếp này còn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tiêu cực khi hai bên (người khai và công chức hải quan) thỏa thuận với nhau để làm sai pháp luật nhằm vụ lợi, đặc biệt là trong các trường hợp xuất nhập khẩu trốn thuế, cho thông quan hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất nhập khẩu của Nhà nước.

1.3. Thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức điện tử

1.3.1. *Thủ tục hải quan điện tử.* Thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức điện tử được gọi ngắn gọn là “Thủ tục hải quan điện tử” (TTHQĐT) hoặc “Thủ tục hải quan phi giấy tờ”.

Đã có nhiều định nghĩa về TTHQĐT được tiếp cận từ nhiều phương diện khác nhau. Chính phủ (2012) định nghĩa như sau: *Thủ tục hải quan điện tử là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

Hai phương thức thực hiện TTHQ trên đây khác nhau về qui trình, kỹ thuật, công cụ, phương thức giao tiếp, nhân sự, bộ máy, cơ chế vận hành, khả năng hội nhập.

1.3.2. *Lợi ích của việc áp dụng TTHQĐT*

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước, TTHQĐT cho phép: (i) Giảm thiểu số lượng thủ tục hành chính của ngành Hải quan. Đây là một trong những

Bảng 2: So sánh hai phương thức thực hiện thủ tục hải quan

Tiêu chí so sánh	Phương thức truyền thống	Phương thức điện tử
1. Qui trình	Phức tạp	Đơn giản
2. Công nghệ	Thủ công, cơ giới	Công nghệ thông tin
3. Kỹ thuật	Văn bản giấy	Kỹ thuật số
4. Công cụ	Công cụ văn phòng truyền thống	Hệ thống máy tính
5. Phương thức giao tiếp	Trực tiếp người-người	Internet
6. Nhân sự	Đa năng	Chuyên môn hóa cao
7. Bộ máy	Cồng kềnh	Tinh gọn
8. Cơ chế vận hành	Xin-Cho	Chuẩn mực, thông lệ
9. Chính sách	Thay đổi khó lường	Dễ lượng định
10. Khả năng hội nhập	Khó khăn	Thuận lợi

Nguồn: Ban Cải cách hiện đại hóa hải quan – Tổng cục Hải quan, năm 2010

mục tiêu rất khó đạt khi Nhà nước còn thực hiện TTHQ theo phương thức truyền thống; (ii) Thực hiện triệt để hơn nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất của ngành Hải quan. Nguyên tắc này thường xuyên bị vi phạm không phải chỉ vì yếu kém của tổ chức và nhân lực ngành Hải quan, mà chủ yếu là vì thiếu phương thức hiện đại thay thế cho phương thức truyền thống; (iii) Tăng cường hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan, trong đó dễ thấy nhất là giao lưu thương mại quốc tế của quốc gia được tăng trưởng và phát triển bền vững hơn; giảm thất thoát ngân sách nhà nước từ nguồn thu hải quan; an ninh quốc gia, an ninh thương mại, trật tự an toàn xã hội trong hội nhập quốc tế về thương mại, đầu tư, du lịch được cải thiện rõ rệt.

- *Đối với người khai hải quan (doanh nghiệp)*, TTHQĐT cho phép: (i) Giảm thiểu nhiều loại chi phí về hải quan, trong đó nổi bật là giảm chi phí làm tờ khai hải quan; giảm thời gian kiểm tra hải quan (nhất là đối với luồng xanh và luồng vàng so với luồng đỏ); giảm thời gian kiểm tra sau thông quan; giảm thời gian xử lý các lỗi kỹ thuật nghiệp vụ; giảm chi phí “bôi trơn” giữa doanh nghiệp với công chức hải quan; (ii) Tránh hoặc giảm thiểu được nhiều rủi ro trong giao lưu thương mại quốc tế, trong đó dễ thấy nhất là giảm thiểu xung đột thủ tục giữa các quốc gia do áp dụng chung các chuẩn mực quốc tế; giảm thiểu tác động phá hoại của buôn lậu

và gian lận thương mại do được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời; (iii) TTHQĐT tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp hội nhập quốc tế, trong đó có những thuận lợi mà trước đây không có như xóa bỏ các rào cản quốc gia do thực hiện “Một cửa quốc gia”, “Một cửa khu vực”.

2. Thực trạng áp dụng thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam

2.1. Các bước thực hiện

Từ năm 2005, Việt Nam bắt đầu áp dụng TTHQĐT và thực hiện theo hai bước: thực hiện thí điểm trong phạm vi hẹp và thực hiện chính thức trên phạm vi cả nước.

- *Thực hiện thí điểm.* Bước thực hiện thí điểm được tiến hành trong 7 năm (từ năm 2005 đến năm 2012) với hai giai đoạn nối tiếp nhau, trong đó: Giai đoạn I (từ tháng 10/2005 đến tháng 11/2009) – thí điểm hẹp, được thực hiện tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh và Cục Hải quan Hải Phòng; giai đoạn II (từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2012) – thí điểm mở rộng, bắt đầu thực hiện tại 21 cục hải quan tỉnh và thành phố.

Căn cứ nội dung của TTHQĐT được nêu trong Quyết định 149/2005/QĐ-TTg, ngành Hải quan đã xác định chi tiết các nội dung chính của TTHQĐT trong giai đoạn thí điểm này, bao gồm: (i) Khai báo và tiếp nhận thông tin qua phương tiện điện tử; hồ sơ hải quan được thực hiện dựa trên chứng từ điện

từ; (ii) Xử lý thông tin khai hải quan tự động; (iii) Áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro để đánh giá độ tuân thủ và phân luồng hàng hóa dựa trên bộ tiêu chí quản lý rủi ro và hồ sơ tuân thủ doanh nghiệp; (iv) Ra quyết định thông quan dựa trên việc phân tích thông tin với sự hỗ trợ của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị thí điểm đều áp dụng Quy trình TTHQĐT với 5 bước cơ bản là: (i) Tiếp nhận; (ii) Kiểm tra tờ khai; (iii) Phân luồng tờ khai; (iv) Duyệt phân luồng; (v) Chấp nhận thông quan và xác nhận thực xuất, thực nhập. Trong quy trình trên này, bước phân luồng là khâu quyết định xem hàng hóa thuộc luồng xanh, luồng vàng hay luồng đỏ, trong đó: (i) Luồng xanh, chấp nhận thông quan trên cơ sở thông tin tại Tờ khai điện tử; (ii) Luồng vàng, phải kiểm tra các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan trước khi thông quan; (iii) Luồng đỏ, kiểm tra thêm thực tế hàng hóa trước khi thông quan.

- Thực hiện chính thức trong phạm vi cả nước. Sau khi kết thúc hai giai đoạn thí điểm vào cuối năm 2012, Chính phủ đã quyết định thực hiện chính thức TTHQĐT trên phạm vi cả nước từ ngày 1/1/2013 theo Nghị định số 87/2012/NĐ-CP. Phát huy kết quả của Bước thí điểm, Hải quan cả nước đã nhanh chóng triển khai Bước thực hiện chính thức này, tiếp tục làm phong phú thêm thành tựu và kết quả của việc áp dụng TTHQĐT tại Việt Nam từ năm 2005 đến nay.

2.2. Một số kết quả của việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử

2.2.1. Kết quả chung

- Về nhận thức, các doanh nghiệp ngày càng thấy rõ hơn những thuận lợi mà TTHQĐT mang lại. Các cấp lãnh đạo, công chức trong ngành Hải quan đã có hiểu biết rõ hơn về xu thế tất yếu và tiến trình cải cách, hiện đại hóa của Ngành. Các cơ quan chính phủ đã có sự quan tâm đáng kể tới công cuộc cải cách, hiện đại hóa của ngành Hải Quan thể hiện ở sự phối hợp trong việc xây dựng các danh mục chuẩn hóa, mã hóa và xây dựng bộ máy chỉ đạo triển khai thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN.

- Đào tạo được một bộ phận công chức hải quan và doanh nghiệp làm nòng cốt cho triển khai hiện đại hóa hải quan.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là về công nghệ thông tin đã được tập trung đầu tư nâng cấp và đồng bộ hơn, nhất là tại các đơn vị thực hiện thí điểm.

- Doanh nghiệp được hưởng sự ưu tiên về thủ tục

và được cơ quan hải quan hỗ trợ kịp thời trong quá trình khai báo cũng như làm thủ tục.

- Số lượng giấy tờ phải nộp/xuất trình giảm hẳn so với thủ tục hải quan truyền thống. Các doanh nghiệp chỉ còn phải nộp Tờ khai đối với hàng luồng Xanh; đối với luồng Vàng, Đỏ chỉ phải nộp/xuất trình các chứng từ do hải quan yêu cầu thay vì phải nộp/xuất trình toàn bộ hồ sơ; hồ sơ thanh khoản được nộp bằng phương thức điện tử.

- Thời gian thông quan trung bình được rút ngắn, chi phí thông quan hàng hóa giảm. Đặc biệt, đối với hàng kinh doanh xuất khẩu, TTHQĐT đã thể hiện tính thuận lợi so với thủ tục hải quan truyền thống.

- Doanh nghiệp và cơ quan hải quan có khả năng kiểm soát toàn bộ quá trình luân chuyển của bộ hồ sơ cũng như việc thực hiện thủ tục hải quan của nhân viên cấp dưới. Đặc biệt, việc giảm sự tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp với công chức hải quan đã góp phần quan trọng làm giảm sách nhiễu, phiền hà và tiêu cực.

- Thông tin khai hải quan nhất quán, chuẩn hóa cả từ phía doanh nghiệp và hải quan đã tạo thuận lợi cho công tác quản lý tại khâu thông quan cũng như cho các khâu tiếp theo.

2.2.2. Kết quả theo tiêu chí định lượng

- Giai đoạn I (2005-2009) – thí điểm hẹp

Theo đánh giá của Cục Hải quan Hải phòng và Cục Hải quan TP. HCM (2010), trong ba năm đầu thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử, đã có 403 doanh nghiệp (DN) tham gia thực hiện TTHQĐT; thông quan cho 97.362 tờ khai với lưu lượng trung bình đạt 123 tờ khai/ngày. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) trong 3 năm (2006-2008) đạt xấp xỉ 10,550 tỷ USD, tổng mức thuế hải quan thu được xấp xỉ 9.287 tỷ đồng (riêng năm 2008 đạt xấp xỉ 4.492 tỷ đồng). Kim ngạch XNK đối với hàng hóa làm thủ tục tại Chi cục hải quan điện tử Hải Phòng năm 2006, năm 2007 và năm 2008 chiếm lần lượt là 3,65%, 4,54% và 10,95% tổng kim ngạch XNK đối với hàng hóa làm thủ tục tại Cục Hải quan Hải phòng; kim ngạch XNK đối với hàng hóa làm thủ tục tại Chi cục Hải quan điện tử TP. Hồ Chí Minh năm 2006, năm 2007 và năm 2008 chiếm lần lượt là 7,3%, 8,32% và 9,86% tổng kim ngạch XNK đối với hàng hóa làm thủ tục tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh. Tỷ lệ phân luồng tại Hải Phòng: xanh: 67%; vàng: 10%; đỏ: 23% và tại TP.HCM: xanh: 39%; vàng: 49%; đỏ: 12%; Thời gian thông quan trung bình đối với các lô hàng luồng xanh là 5 - 10 phút, luồng vàng từ 20- 30 phút, luồng đỏ phụ thuộc vào thời gian kiểm tra hàng hóa.

- *Giai đoạn II (12/2009-12/2012) - Thi điểm mở rộng*

Trong giai đoạn này, ngoài hai Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và Hải Phòng, dự kiến ban đầu sẽ có thêm 8 Cục Hải quan khác tham gia. Tuy nhiên trên thực tế, số tham gia ngay từ đầu giai đoạn này đã là 10 Cục Hải quan, đến cuối giai đoạn có tới 21 Cục Hải quan tham gia (chiếm trên 61% tổng số Cục Hải quan trong cả nước).

- Tính theo số Chi cục Hải quan thì tỷ lệ tham gia còn cao hơn (lên tới trên 89%). Số doanh nghiệp thực hiện TTHQĐT đạt gần 42.000 DN. Đặc biệt, so với cả nước, số Tờ khai TTHQĐT và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua phương thức điện tử đều đạt trên 95%. Tỷ lệ phân luồng Xanh, Vàng, Đỏ lần lượt đạt là: 40,6%, 43,2% và 6,1%.

Theo một số kết quả điều tra, khảo sát về thí điểm thực hiện TTHQĐT hai giai đoạn đối với chỉ tiêu quan trọng hàng đầu là “Thời gian làm TTHQ”, cho thấy: Thời gian làm thủ tục trung bình tại Luồng xanh mất 5-10 phút, tại Luồng vàng mất 20-30 phút, tại Luồng đỏ mất 60-120 phút. Từ kết quả trên cho thấy, nếu năm 2012 không thực hiện TTHQĐT thì cả ngành hải quan và DN, mỗi bên đều phải tốn thêm một lượng thời gian khổng lồ để thực hiện TTHQ theo phương thức truyền thống là: (480-120) phút x 3,86 triệu tờ khai = 1.389,6 triệu phút làm

việc (trương đương với gần 2,9 triệu ngày làm việc 8 giờ). Nếu tính theo kết quả từ Luồng xanh thì chi phí thời gian còn cao hơn nữa.

- *Thực hiện chính thức trên phạm vi cả nước (từ 1/1/2013)*

Sau một thời gian ngắn triển khai thực hiện TTHQĐT trên phạm vi cả nước, tính đến cuối tháng 5/2013, kết quả bước đầu đạt được trên toàn hệ thống rất đáng ghi nhận:

- Toàn bộ 34/34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã triển khai thực hiện tới 132 Chi cục trực thuộc, trong đó 22 Cục triển khai tới 100% Chi cục trực thuộc.

- Hầu hết các loại hình XNK đã áp dụng TTHQĐT.

- Tất cả 34 Cục Hải quan đều triển khai Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phiên bản mới (phiên bản 4.0).

- Đã có gần 37 nghìn doanh nghiệp tham gia TTHQĐT. So với tổng số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực XNK cả nước, số DN tham gia đã đạt 93,8%.

- Tổng kim ngạch XNK của các doanh nghiệp tham gia TTHQĐT đạt 84 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,9% tổng kim ngạch XNK cả nước.

- Thực hiện phân luồng Tờ khai TTHQĐT: luồng Xanh 62,9%, luồng Vàng 26,7%, luồng Đỏ 10,3%.

Bảng 3: Kết quả thực hiện thí điểm TTHQĐT tại Hải Phòng và TP. HCM

Chỉ tiêu	Hải Phòng			TP Hồ Chí Minh		
	2006	2007	2008	2006	2007	2008
Tổng số DN tham gia TTHQĐT	73	171	106	172	267	297
Tổng số tờ khai thực hiện TTHQĐT	5.146	9.509	7.576	31.224	33.011	10.896
Kim ngạch XNK (triệu USD)	462,16	837,62	492,44	2.983	4.310	1.465
Tỷ lệ % DN tham gia TTHQĐT/số DN làm thủ tục hải quan trên địa bàn	0,94%	1,84%	1,65%	0,89%	1,23%	1,87%
Tỷ lệ % tờ khai TTHQĐT/TK trên toàn Cục	1,71%	2,53%	6,38%	2,58%	2,53%	2,86%
Tỷ lệ % kim ngạch thực hiện qua TTHQĐT/ kim ngạch toàn Cục	3,65%	4,54%	10,95%	7,30%	8,32%	9,86%

Nguồn: Cục Hải quan Hải phòng và Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, năm 2010

So với tổng số tờ khai, luồng Xanh chiếm tỷ trọng cao nhất tại 17 Cục; luồng Vàng chiếm tỷ trọng cao nhất tại 7 Cục; luồng Đỏ chiếm tỷ trọng thấp tại tất cả các Cục.

2.3. Hạn chế và tồn tại của quá trình áp dụng TTHQĐT.

Quá trình thực hiện TTHQĐT những năm qua tuy đã có những cải tiến, điều chỉnh, bổ sung cả về hình thức và nội dung trong từng giai đoạn, nhưng xét chung trên phạm vi cả nước và so với chuẩn mực hải quan hiện đại, vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại.

Thứ nhất, Tỷ lệ TTHQĐT trong tổng số thủ tục hải quan hiện còn thấp. Trong Danh mục được công bố với tổng số 114 Thủ tục hải quan thì TTHQĐT chỉ chiếm trên 32 % với 37 thủ tục. Đã có tới 26 nhóm với 54 Thủ tục hải quan, trong đó hoàn toàn không có một TTHQĐT nào, kể cả Nhóm 13 (Xuất xứ), Nhóm 16 (Buru chính), Nhóm 17 (Chuyển phát nhanh), Nhóm 18 (XNK Xăng dầu). Với tỷ lệ đạt thấp như vậy, những năm tới, việc điện tử hóa các thủ tục còn lại là khá nặng nề, kể cả từ khâu nghiên cứu, ban hành văn bản đến khâu tổ chức thực hiện.

Thứ hai, TTHQĐT chỉ mới được triển khai trong một phạm vi hẹp. Trong các cấp của ngành Hải quan, việc triển khai thực hiện TTHQĐT mới tiến

hành ở cấp Chi cục của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố. Điều đó có nghĩa là cấp Cục và Tổng cục Hải quan vẫn chỉ đạo, điều hành chủ yếu theo phương thức truyền thống. Về các Qui trình TTHQĐT được đưa ra thực hiện thì phạm vi cũng chỉ hạn hẹp trong các khâu thông quan, trong khi các khâu Phân luồng, Kiểm tra sau thông quan, và nhiều nghiệp vụ hải quan khác vẫn phải sử dụng phương pháp truyền thống.

Thứ ba, so với Chuẩn mực hải quan hiện đại, những gì đã đạt được của TTHQĐT cũng mới chỉ đáp ứng được một phần ít ỏi. Bảng 4 cho thấy trong 12 chuẩn mực hải quan hiện đại phổ quát nhất, thì Hải quan Việt Nam còn chưa thực hiện đối với 4 chuẩn mực (thông quan trước; xác định xuất xứ tự động; tự tính giá tự động và nộp thuế tự động) và mới chỉ thực hiện được 1 chuẩn mực (tự động hóa tiếp nhận). Nếu coi chuẩn mực hải quan quốc tế là những thước đo về chất, thì rõ ràng TTHQĐT Việt Nam còn khá nhiều việc phải làm trong những năm tới.

3. Vấn đề đặt ra đối với việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử trong những năm tới

Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020 đã xác định mục tiêu xây dựng hải quan Việt Nam hiện

Bảng 4: Mức độ đáp ứng của thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo chuẩn mực hải quan hiện đại

Chuẩn mực	Hệ thống pháp luật Việt Nam			Tổ chức thực hiện			Mức độ đáp ứng	
	Đã quy định	Quy định chưa đầy đủ	Chưa quy định	Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	Đáp ứng	Chưa đáp ứng
Tự động hóa tiếp nhận	X				X		X	
Khai báo trước		X		X				X
Thông quan trước			X			X		X
Áp dụng QLRR	X			X				X
Giảm chứng từ thương mại		X		X				X
Xác định xuất xứ tự động			X			X		X
Tự tính giá tự động			X			X		X
Áp thuế tự động		X		X				X
Nộp thuế tự động			X			X		X
Thông quan điện tử	X				X			X
Trao đổi thông tin điện tử		X		X				X
Giảm chi phí		X		X				X

Nguồn: Tổng cục Hải quan, năm 2013

đại, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Cho đến nay, Việt Nam đã có bước đi quan trọng trong việc thực hiện TTHQĐT, từng bước hội nhập với hải quan khu vực và thế giới. Tuy nhiên, để đạt được Chuẩn mực hải quan hiện đại, ngành hải quan cần tiếp tục đổi mới một cách căn bản và toàn diện.

Chúng tôi cho rằng, các giải pháp chủ yếu sau đây cần được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt để tiếp tục hoàn thiện TTHQĐT Việt Nam đến năm 2020:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về TTHQĐT, trong đó bao gồm một số nội dung chủ yếu như: i) tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện Luật hải quan; ii) sửa đổi Luật thương mại; iii) sửa đổi Luật thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu; iv) hoàn thiện Luật giao dịch điện tử, Luật công nghệ thông tin.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoàn thiện TTHQĐT.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy ngành hải quan theo yêu cầu hoàn thiện TTHQĐT.

- Tăng cường nguồn nhân lực cấp cao của ngành hải quan theo yêu cầu hoàn thiện TTHQĐT.

Để thực hiện các giải pháp trên, ngoài sự nỗ lực, quyết tâm tự đổi mới của ngành hải quan, cần có sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự phối hợp, hỗ trợ tích cực, có hiệu quả của các Bộ, ngành và các địa phương trên phạm vi cả nước. □

Tài liệu tham khảo:

Chính phủ (2012), Nghị định 87/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, ban hành ngày 23/10/2012.

Quốc hội (2001), Luật Hải quan, ban hành ngày 29/6/2001.

Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định 103/2009/QĐ-TTg Sửa đổi bổ sung một số điều của QĐ số 149/2005 QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử, ban hành ngày 12/8/2009.

Tổng cục Hải quan (2010), Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử của Cục Hải quan Hải phòng và Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Tổng cục Hải quan (2012), Báo cáo rà soát đánh giá thực hiện chuẩn mực hải quan quốc tế.

Vietnamese e-customs – current status and recommendations for improvements in the coming years

Abstract:

The strategy for the development of Vietnamese customs to 2020 has identified the goal of building a modern Vietnamese Customs, reaching level comparable to those of developed countries in Southeast Asia. One of the most important purports of this Strategy is to apply and complete the Vietnamese Customs' procedures in accordance with the modern customs standards which meet the international integration requirement. Since 2005, electronic customs (e-customs) procedures has been piloted and step by step deployed nationwide. This paper aims at providing a overview of the application of e-customs procedures in Vietnam; its initial results and limitations. The paper also suggests relating issues that need to be improved in the coming years.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Bằng Thắng**, Thạc sỹ, nghiên cứu sinh.

- Nơi công tác: Bộ Tài chính.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế. (quản lý nhà nước về hải quan)

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình: Tạp chí Công thương, Tạp chí Tài chính

Email: nguyenbangthang@mof.gov.vn

** **Hoàng Văn Hoa**, giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Viện Đào tạo quốc tế, trường đại học Kinh tế quốc dân

Email: hoaktqdh@yahoo.com